

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VỀ CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI CỦA NỮ SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM 2024

TÓM TẮT

My Thị Hải*

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức về các biện pháp tránh thai của nữ sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 240 nữ sinh viên điều dưỡng chính quy của trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024. Bộ câu hỏi và các thang điểm đánh giá được xây dựng tổng bao gồm 44 câu trong đó phần thông tin chung 6 câu, kiến thức 36 câu và nguồn tiếp cận thông tin 2 câu.

Kết quả: 240 sinh viên điều dưỡng tham gia nghiên cứu trong đó 100% sinh viên biết ít nhất 1 trong các biện pháp tránh thai. 39,2% sinh viên có kiến thức về các biện pháp tránh thai đạt loại tốt. Sinh viên năm thứ ba, tư có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên năm thứ nhất, hai. Sinh viên ở cùng gia đình có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên không sống cùng gia đình. Tỷ lệ sinh viên nhận thông tin về biện pháp tránh thai và sức khỏe sinh sản từ báo chí/truyền hình; internet; gia đình; bạn bè, trung tâm tư vấn và trường học có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với các sinh viên không nhận được thông tin trên. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Kết luận: Sinh viên có kiến thức về biện pháp tránh thai còn chưa đầy đủ. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhóm sinh viên có kiến thức tốt với năm học, nơi ở, cách tiếp cận thông tin.

Từ khóa: Các biện pháp tránh thai, kiến thức, sinh viên điều dưỡng.

THE STATUS KNOWLEDGE OF FEMALE NURSING STUDENTS ABOUT CONTRACEPTIVE METHODS AT THAIBINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2024

ABSTRACT

Objective: Describe the status knowledge about contraception of female nursing students at

Thai Binh University of medicine and pharmacy in 2024 and find out some related factors.

Method: Cross-sectional descriptive study on 240 female nursing students at Thai Binh University of medicine and pharmacy in 2024. The set of questions and assessment scales were built with a total of 44 questions, including 6 questions for general information, 36 questions for knowledge and 2 questions for access to information.

Results: 240 students participated in the study in which 100% of students know at least one of the contraception methods. 39.2% of students have good knowledge about contraceptive methods. Third and fourth year students have better knowledge about contraceptive methods than first and second year students. Students who live with their families have better knowledge about contraceptive methods than students who do not live with their families. Percentage of students receiving information about contraception and reproductive health from newspapers/television; Internet; family; Friends, counseling centers and schools had better knowledge about contraceptive methods than students who did not receive the above information. The difference is statistically significant with $p < 0.05$.

Conclusion: Students' knowledge about contraceptive methods is not complete. There is a statistically significant difference between the group of students with good knowledge of their year of study, place of residence, and way of accessing information.

Key words: Contraception methods; Knowledge; Nursing students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, theo tổ chức Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc năm 2021, số ca mang thai ngoài ý muốn chiếm hơn nửa số ca phá thai và tới 8,9% ca phá thai liên quan đến việc sử dụng thất bại biện pháp tránh thai [1]. Nguyên nhân của thực trạng trên là do lứa tuổi vị thành niên/thanh niên chưa trưởng thành về tâm lý, xã hội; ngoài ra, môi trường sống có những ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức và hành vi của vị thành niên/thanh niên. Bên cạnh đó, kiến thức của vị thành niên/thanh niên về sức khỏe sinh sản nói chung, về việc sử dụng các biện

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

* Tác giả chính: My Thị Hải

Email: mythihai@gmail.com

Ngày nhận bài: 8/8/2024

Ngày phản biện: 13/9/2024

Ngày duyệt bài: 16/9/2024

pháp tránh thai nói riêng chưa đúng, chưa đầy đủ. Nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự cho thấy có 51,3% sinh viên sử dụng biện pháp tránh thai khi quan hệ tình dục [2].

Thực tế từ một nghiên cứu ở sinh viên Y khoa năm nhất tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh cho thấy sự hiểu biết về bao cao su chỉ chiếm 18,7%, thuốc tránh thai kết hợp 4,5%, thuốc tránh thai khẩn cấp chiếm 12,6% [3]. Các nghiên cứu tại Việt Nam đều cho thấy kiến thức của nhóm thanh thiếu niên về biện pháp tránh thai vẫn chưa cao, ảnh hưởng đến tỷ lệ phá thai do mang thai ngoài ý muốn gia tăng hàng năm đồng thời nguy cơ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục cũng ngày càng cao [4], [5].

Trường Đại học Y Dược Thái Bình là trường chuyên đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cán bộ y tế chất lượng cao cho ngành Y tế trong đó có điều dưỡng. Do vậy, việc nâng cao kiến thức về sử dụng các biện pháp tránh thai cũng như về sức khỏe sinh sản cho sinh viên điều dưỡng tại trường là một việc làm hoàn toàn cần thiết và phù hợp. Câu hỏi đặt ra là kiến thức về các biện pháp tránh thai của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Thái Bình hiện nay như thế nào? Những yếu tố nào liên quan đến kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai? Để góp phần trả lời cho những câu hỏi trên cùng với góp phần nâng cao hiệu quả của chương trình đào tạo Điều dưỡng tại trường và đề xuất những giải pháp cụ thể giúp sinh viên có cái nhìn đầy đủ và tích cực hơn về các biện pháp tránh thai, chúng tôi thực hiện nghiên cứu đề tài trên với mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức về các biện pháp tránh thai của nữ sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Nữ SV điều dưỡng chính quy đang học tại trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Tiêu chuẩn chọn vào:

- Nữ SV điều dưỡng chính quy đang học tại trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- SV đồng ý tham gia nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ:

- SV đã lập gia đình.

- SV từ chối tham gia nghiên cứu.

2.1.2. Địa điểm nghiên cứu

Trường Đại học Y Dược Thái Bình

2.1.3. Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 03/2024 – 06/2024

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

*Cỡ mẫu:

Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu nghiên cứu

$Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$ với độ tin cậy 95%

$p = 0,715$ (dựa theo kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Quang Tuấn tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt về BPTT là 71,5% [6]).

d: độ chính xác mong muốn ước lượng, chọn $d = 0,06$.

Thay vào công thức ta có $n = 217$

Do đó cỡ mẫu tối thiểu trong nghiên cứu của chúng tôi là 217 sinh viên. Để đề phòng việc sinh viên viên bỏ không tham gia nghiên cứu chúng tôi lấy thêm 10% cỡ mẫu, do vậy cỡ mẫu được lựa chọn trong nghiên cứu là 240 sinh viên. Cỡ mẫu cho mỗi khối lớp điều dưỡng là 60 sinh viên.

* Phương pháp chọn mẫu:

- Chọn mẫu có chủ đích

- Lập danh sách sinh viên theo từng khối lớp và đánh số thứ tự.

- Làm phiếu bốc thăm theo số thứ tự của sinh viên

- Bốc thăm ngẫu nhiên 60 phiếu cho từng khối lớp

2.2.3. Các biến số trong nghiên cứu

Năm học, nơi ở, dân tộc, tôn giáo, tình yêu, kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai, nguồn cung cấp thông tin về các BPTT.

2.2.4. Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức về các biện pháp tránh thai

Bộ câu hỏi và các thang điểm đánh giá được xây dựng dựa trên nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [2].

Dựa vào 36 câu hỏi về kiến thức; mỗi ý trả lời đúng được 1 điểm, ý trả lời sai hoặc không trả lời được 0 điểm, tính tổng điểm của 36 câu.

Thang điểm đánh giá kiến thức cụ thể như sau:

TT	Phân loại kiến thức	Số điểm kiến thức (Điểm tối đa 72 điểm)
1	Tốt ($\geq 75\%$)	≥ 54
2	Chưa tốt ($< 75\%$)	< 54

2.2.5. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

* Công cụ thu thập số liệu:

Thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi tự điền (phụ lục 1) dựa theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [2].

Bộ câu hỏi gồm 3 phần:

Phần 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (6 câu hỏi).

Phần 2: Kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai (36 câu hỏi)

Phần 3: Nguồn cung cấp thông tin về các biện pháp tránh thai gồm 2 câu hỏi.

* Phương pháp thu thập số liệu:

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền.

Liên hệ phòng Đào tạo Đại học lấy danh sách sinh viên và xem lịch học của sinh viên. Đánh số thứ tự của sinh viên, làm phiếu bốc thăm theo số thứ tự của sinh viên.

Bốc thăm ngẫu nhiên 60 phiếu cho từng khối lớp.

Liên hệ với lớp trưởng, lớp phó các lớp để thông báo với sinh viên về việc tham gia nghiên cứu.

Tập trung sinh viên theo từng khối lớp tại giảng đường vào ngày nghỉ cuối tuần.

Gặp trực tiếp sinh viên, giải thích đầy đủ mục đích, tính bảo mật của nghiên cứu, thời gian cần

thiết để hoàn thành một phiếu điều tra và trên cơ sở đó các SV có thể quyết định có tham gia nghiên cứu hay không.

Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu được tổ chức điều tra theo khối lớp.

Phiếu điều tra sẽ đảm bảo bí mật quyền riêng tư của đối tượng nghiên cứu.

Sau khi phát bộ câu hỏi điều tra đến tận tay từng nữ sinh viên điều dưỡng hệ chính quy đang theo học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, mỗi sinh viên có khoảng thời gian 10-15 phút để tự hoàn thành. Sau khi hoàn thành, sinh viên sẽ nộp lại bộ câu hỏi điều tra của mình cho nghiên cứu viên.

2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Các kết quả được phân tích theo phương pháp thống kê y học bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0.

2.3. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được sự đồng ý của Ban Giám hiệu nhà trường, phòng đào tạo và các ban, phòng ban liên quan.

Nghiên cứu được thông qua của Hội đồng khoa học trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Việc tham gia nghiên cứu của sinh viên dựa trên tinh thần tự nguyện của sau khi đã giải thích mục đích và ý nghĩa của nghiên cứu.

Đảm bảo bí mật các thông tin của đối tượng nghiên cứu.

Thông tin thu thập khách quan và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. Kết quả nghiên cứu

Sau khi thu thập và phân tích số liệu nghiên cứu thu được kết quả như sau:

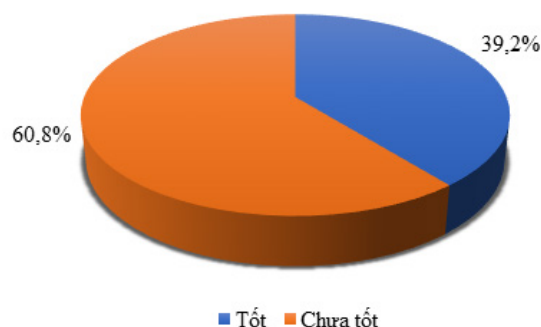
Bảng 1. Tỷ lệ sinh viên biết các biện pháp tránh thai

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Biết 1 trong các biện pháp tránh thai		
Biết	240	100
Không biết	0	0
Số lượng các BPTT sinh viên biết:		
Bao cao su	230	95,8
Dụng cụ tử cung	179	74,6
Thuốc tránh thai	222	92,5
Thuốc diệt tinh trùng	41	17,1
Đình sản	152	63,3

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Xuất tinh ngoài âm đạo	126	52,5
Tính vòng kinh	148	61,7

Nhận xét:

Tỷ lệ sinh viên biết ít nhất một trong các biện pháp tránh thai đạt tỷ lệ 100%. Biện pháp tránh thai mà đối tượng nghiên cứu biết nhiều nhất là bao cao su (95,8%). Tiếp đến là thuốc tránh thai (92,5%). Tỷ lệ phần trăm sinh viên biết dụng cụ tử cung, đình sản, tính vòng kinh, xuất tinh ngoài âm đạo lần lượt là: 74,6%, 63,3%; 61,7% và 52,5%. cuối cùng tỷ lệ sinh viên biết thấp nhất là thuốc diệt tinh trùng (17,1%).

**Biểu đồ 1. Mức độ kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai****Nhận xét:**

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 39,2% sinh viên có kiến thức về các biện pháp tránh thai đạt loại tốt. Tỷ lệ chưa tốt là 60,8%.

Bảng 2. Mối liên quan giữa kiến thức về biện pháp tránh thai và việc sinh viên có người yêu

Đặc điểm chung của ĐTNC	Kiến thức		OR (95% CI)	p
	Tốt n (%)	Chưa tốt n (%)		
Người yêu				
Có/ đã có	44 (45,8)	52 (54,2)	1,59 (0,94-2,69)	> 0,05
Chưa có	50 (34,7)	94 (65,3)		

Nhận xét:

Sinh viên có/đã có người yêu có kiến thức tốt về biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên khác, tuy nhiên sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$ (OR= 1,59; 95%CI: 0,94 – 2,69).

Bảng 3. Mối liên quan giữa kiến thức về biện pháp tránh thai và năm học, nơi ở

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu	Kiến thức		OR (95% CI)	p
	Tốt n (%)	Chưa tốt n (%)		
Năm học của sinh viên				
Năm thứ ba, tư	59 (49,2)	61 (50,8)	2,35 (1,38 – 3,99)	< 0,05
Năm thứ nhất, hai	35 (29,2)	85 (70,8)		
Nơi ở				
Cùng gia đình	20 (57,1)	15 (42,9)	2,36 (1,14 – 4,88)	< 0,05
Khác	74 (36,1)	131 (63,9)		

Nhận xét:

Sinh viên năm thứ ba, tư có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên năm thứ nhất, hai. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (OR= 2,35; 95%CI: 1,38 – 3,99).

Sinh viên ở cùng gia đình có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (OR= 2,36, 95%CI: 1,14 - 4,88).

Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức về biện pháp tránh thai và tôn giáo, dân tộc

Đặc điểm chung của ĐTNC	Kiến thức		OR (95% CI)	p
	Tốt n (%)	Chưa tốt n (%)		
Tôn giáo				
Có	9 (50,0)	9 (50,0)	1,61 (0,61 – 4,22)	> 0,05
Không	85 (38,3)	137 (61,7)		
Dân tộc				
Kinh	89 (39,7)	135 (60,3)	1,08 (0,38-3,07)	> 0,05
Khác	5 (31,2)	11 (68,8)		

Nhận xét:

Sự khác biệt về kiến thức giữa 2 nhóm sinh viên có và không theo tôn giáo; sinh viên dân tộc Kinh và dân tộc khác không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức về biện pháp tránh thai và nguồn cung cấp thông tin về các biện pháp tránh thai

Nguồn cung cấp thông tin		Kiến thức		OR (95% CI)	p
		Tốt n (%)	Chưa tốt n (%)		
Báo chí, truyền hình, internet	Có	83 (43,9)	106 (56,1)	2,85 (1,38-5,89)	< 0,05
	Không	11 (21,6)	40 (78,4)		
Bạn bè, gia đình	Có	59 (50,9)	57 (49,1)	2,63 (1,54-4,49)	< 0,05
	Không	35 (28,2)	89 (71,8)		
Trung tâm tư vấn	Có	43 (47,8)	47 (52,2)	1,78 (1,04-3,03)	< 0,05
	Không	51 (34,0)	99 (66,0)		
Trường học	Có	89 (42,8)	119 (57,2)	4,04 (1,49-10,9)	< 0,05
	Không	5 (15,6)	27 (84,4)		

Nhận xét:

Tỷ lệ sinh viên nhận thông tin về biện pháp tránh thai và sức khỏe sinh sản từ báo chí/truyền hình; internet; gia đình; bạn bè, trung tâm tư vấn và trường học có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với các sinh viên khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

IV. Bàn luận

Như chúng ta đã biết kiến thức về sức khỏe sinh sản nói chung và các biện pháp tránh thai nói riêng là nội dung cần thiết đối với sinh viên hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 100% sinh viên có biết ít nhất một biện pháp tránh thai. Có được kết quả này là nhờ việc tuyên truyền giáo dục về các biện pháp tránh thai đã được phổ biến rộng khắp trên cả nước bằng nhiều hình thức với nhiều phương tiện thông tin khác nhau.

Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong có 93,4% khách hàng biết ít nhất một biện pháp tránh thai [2], nghiên cứu của

tác giả Trần Quang Tuấn và cộng sự có 95,9% sinh viên biết ít nhất 1 biện pháp tránh thai [6].

Biện pháp tránh thai mà đối tượng nghiên cứu biết nhiều nhất là bao cao su (95,8%). Tiếp đến là thuốc tránh thai (92,5%), kết quả cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự với tỷ lệ sinh viên biết đến nhiều nhất là bao cao su (89,2%), thuốc tránh thai (83%), tương tự nghiên cứu của Reina M.F. và cộng sự tại Tây Ban Nha cho thấy bao cao su (99%) và thuốc (95%) là những biện pháp tránh thai được biết nhiều nhất [2], [7]. Biện pháp tránh thai sinh viên biết thấp nhất là thuốc diệt tinh trùng (17,1%).

Các biện pháp tránh thai khác cũng được số đông sinh viên biết đến như dụng cụ tử cung, đình sản với tỷ lệ lần lượt là: 74,6%, 63,3%. Kết quả cũng cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự với tỷ lệ sinh viên biết đến phương pháp dụng cụ tử cung là 54,2%. Đình sản là biện pháp tránh thai hiện đại mà sinh viên biết cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự với tỷ lệ chiếm 41,4% [2].

Các biện pháp tránh thai truyền thống cũng có tỉ lệ sinh viên biết đến ít hơn các biện pháp tránh thai hiện đại: tính vòng kinh (61,7%), xuất tinh ngoài âm đạo (52,5%). Tỷ lệ biết đến biện pháp tránh thai tính theo vòng kinh và xuất tinh ngoài âm đạo của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự với tỷ lệ sinh viên biết về biện pháp tránh thai tính theo vòng kinh là 41,8% và xuất tinh ngoài âm đạo 39,7% [2]. Sở dĩ có sự khác biệt này theo chúng tôi là do: sinh viên hiện nay thường được tiếp cận với các biện pháp tránh thai hiện đại qua các chương trình truyền thông – giáo dục sức khỏe. Hơn thế, biện pháp tránh thai xuất tinh ngoài âm đạo cũng là một biện pháp có hiệu quả chưa cao, vì vậy, các nhà tuyên truyền về các biện pháp tránh thai cũng ít đề cập đến hơn trong các chương trình.

Ngoài ra đối với phương pháp tính vòng kinh chúng ta không thể phủ nhận rằng phương pháp này để tìm hiểu đầy đủ thì rất phức tạp. Đặc biệt là ở độ tuổi vị thành niên và thanh niên một cuộc khảo sát cắt ngang Trường Cao đẳng Y tế tại Manipal (2016) [8] cho thấy đây là độ tuổi hay gặp các bất thường kinh nguyệt nhất như là rong kinh (11,7%), đa kinh (6%). Vòng kinh không ổn định gây cản trở rất lớn cho việc tính vòng kinh. Điều này cho biết sinh viên ngày càng được nâng cao kiến thức về biện pháp tránh thai nói chung cũng như biện pháp tính vòng kinh nói riêng.

Qua khảo sát trên 240 sinh viên kết quả nghiên cứu cho thấy có 39,2% sinh viên có kiến thức về các biện pháp tránh thai đạt loại tốt. Tỷ lệ chưa tốt là 60,8%. Kết quả của chúng tôi phù hợp với một số nghiên cứu tại Việt Nam và Thế giới.

Nghiên cứu của Zhou H. và cộng sự tại Trung Quốc năm 2012 [9] cho thấy hầu hết các sinh viên đại học còn thiếu kiến thức về sức khỏe sinh sản. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Bắc và cộng sự (2020) [10] khảo sát tại trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt

về biện pháp tránh thai là 29,8%, nghiên cứu của tác giả Võ Thị Thùy Linh [11] trên sinh viên khoa y dược trường Đại học Trà Vinh năm 2023 tỉ lệ sinh viên có kiến thức đúng chỉ đạt 16,5%.

Nhìn chung trong những năm gần đây các biện pháp tránh thai ngày càng có nhiều sự lựa chọn khác nhau. Các nghiên cứu tại Việt Nam đều cho thấy kiến thức của nhóm thanh thiếu niên về biện pháp tránh thai vẫn chưa cao, ảnh hưởng đến tỷ lệ phá thai do mang thai ngoài ý muốn gia tăng hàng năm. Điều này cho thấy nhiều sinh viên đang gặp khó khăn trong việc xác định một phương pháp tránh thai lý tưởng phù hợp với lối sống của mình và đáp ứng các yêu cầu cá nhân. Đây cũng là lý do mà số liệu gần đây về kiến thức của SV về các biện pháp tránh thai và lý do lựa chọn phương pháp hoặc lý do thay đổi phương pháp còn hạn chế; do không rõ những thông tin và nội dung cần thiết.

Khi tiến hành tìm hiểu các yếu tố liên quan đến kiến thức về các biện pháp tránh thai, chúng tôi thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm sinh viên học năm thứ ba, tư và nhóm sinh viên học năm thứ nhất, hai. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên năm thứ ba, tư có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên năm thứ nhất, hai. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (OR= 2,35; 95%CI: 1,38 – 3,99). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự so với nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Bắc và cộng sự [10]. Lý giải cho sự khác biệt này có thể là do đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là sinh viên điều dưỡng, trong chương trình đào tạo sinh viên được học kiến thức chuyên sâu về các biện pháp tránh thai vào các năm học thứ ba, tư. Đây có lẽ là lý do chính giải thích tại sao sinh viên năm ba, tư có kiến thức tốt cao hơn nhóm sinh viên năm thứ nhất, hai trong nghiên cứu của chúng tôi. Như vậy, việc cung cấp kiến thức cho sinh viên năm nhất, hai về các biện pháp tránh thai là một công tác cần thiết khi bước chân vào cổng trường đại học.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm sinh viên sống cùng gia đình có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn nhóm sinh viên không sống cùng gia đình, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ (OR= 2,36, 95%CI: 1,14 - 4,88). Kết quả tương tự nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [2]. Sinh viên sống cùng gia đình bên cạnh sự tác động từ nhà trường, xã hội sinh viên còn nhận được sự định hướng, chia sẻ cũng như giám sát của bố mẹ, anh chị nên thường có

kiến thức tốt hơn về các vấn đề sức khỏe sinh sản nói chung.

Nghiên cứu liên quan giữa dân tộc với kiến thức về các biện pháp tránh thai của sinh viên, chúng tôi nhận thấy kiến thức về các biện pháp tránh thai của nhóm sinh viên dân tộc Kinh cao hơn so với nhóm không phải dân tộc Kinh tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$ (OR = 1,08 (95%CI: 0,38 - 3,07)). Tương tự, chúng tôi cũng nhận thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức về các biện pháp tránh thai của nhóm sinh viên theo và không theo các tôn giáo. Kết quả cũng tương tự nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [2]. Lý giải điều này theo chúng tôi hiện nay tại các tỉnh trên cả nước, văn hóa, kinh tế, xã hội đều được quan tâm và định hướng phát triển. Vì vậy, người dân nói chung cũng như các bạn trẻ nói riêng có nhiều cơ hội hơn để tiếp cận với các thông tin văn hóa, xã hội, trong đó có các thông tin về sức khỏe sinh sản và các biện pháp tránh thai. Bên cạnh đó, các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe sinh sản hiện nay cũng được triển khai rộng rãi trong cả nước nên kiến thức của sinh viên theo dân tộc, tôn giáo không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có/đã có người yêu có kiến thức tốt về biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên khác, tuy nhiên sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Giải thích điều này có thể do các sinh viên khi đang/đã có người yêu quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề sức khỏe sinh sản để đảm bảo một tình yêu trong sáng, bền vững, vì vậy, họ sẽ tìm hiểu các thông tin về sức khỏe sinh sản và các biện pháp tránh thai nhiều hơn. Như vậy, các chương trình tư vấn giáo dục sức khỏe cần tác động vào vị thành niên và thanh niên từ khi họ chưa có người yêu, chưa quan hệ tình dục để giúp họ có kiến thức tốt nhất từ đó mới giảm được các nguy cơ do quan hệ tình dục không an toàn gây ra.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên nhận thông tin về biện pháp tránh thai và sức khỏe sinh sản từ báo chí/truyền hình; internet; gia đình; bạn bè, trung tâm tư vấn và trường học có kiến thức tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với các sinh viên khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả cũng tương tự nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [2], Ahmed F.A. và cộng sự (2012) [12]; Reina M.F. và cộng sự [7] tại Tây Ban Nha. Trong nghiên cứu của

Elif Balkan (2022) [13] tại Thổ Nhĩ Kỳ, những sinh viên tiếp nhận thông tin về các biện pháp tránh thai thông qua các khóa học đào tạo tại trường có kiến thức cao hơn so với những sinh viên học được từ nguồn khác. Chính vì vậy, mở rộng thêm khóa học đào tạo tại trường hoặc tổ chức các chương trình ngoại khóa tư vấn về các biện pháp tránh thai từ các câu lạc bộ, cơ sở y tế có thể giúp cải thiện kiến thức trong việc sử dụng biện pháp tránh thai. Như vậy, nguồn thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng có liên quan đến kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai đã tác động vào sự thay đổi hành vi của SV. Trường học, trung tâm tư vấn cũng là nguồn thông tin rất quan trọng liên quan đến kiến thức của SV về các biện pháp tránh thai. Đây cũng là những kênh truyền thông cung cấp kiến thức về các biện pháp tránh thai tốt đến giới trẻ.

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu kiến thức về các biện pháp tránh thai trên 240 nữ sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Dược Thái Bình, kết quả cho thấy kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai còn chưa đầy đủ. Kết quả nghiên cứu chỉ có 39,2% sinh viên có kiến thức về các biện pháp tránh thai đạt loại tốt. Đối với sinh viên năm thứ nhất, hai kết quả cho thấy kiến thức về các biện pháp tránh thai đạt được còn thấp so với các năm ba, bốn, điều này có thể nói việc đảm bảo kiến thức về các biện pháp tránh thai chưa được thực hiện ngay từ ban đầu, trong khi đây cũng là giải pháp để tạo nên kiến thức cơ sở, và là nền tảng cho việc củng cố lại kiến thức sau này – lúc sinh viên bước vào các kỳ thực tập lâm sàng tại các bệnh viện. Vì vậy, hi vọng kết quả nghiên cứu có thể góp phần xác định thực trạng kiến thức của nữ sinh viên điều dưỡng về các biện pháp tránh thai và các yếu tố liên quan, từ đó có hướng xây dựng chương trình giáo dục để cải thiện kịp thời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **United Nations International Children's Emergency Fund (UNICEF)**, "Việt Nam SDGCW 2020-2021", United Nations International Children's Emergency Fund, 2021.
2. **Nguyễn Thanh Phong (2017)**. Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về các biện pháp tránh thai của sinh viên một số trường đại học/cao đẳng thành phố Hà Nội và hiệu quả giải pháp can thiệp. Luận án Tiến sĩ Y học.
3. **Dương Hồng Phúc, Võ Minh Tuấn, Lê Thị**

- Kiều Dung (2014)**, “Nghiên cứu kiến thức và thái độ về các biện pháp tránh thai thông dụng của sinh viên Y khoa năm thứ nhất tại Đại học Y Dược TPHCM”, Tạp chí Y học TP.Hồ Chí Minh, 18(1), tr.14-19.
- 4. O. M. Saung, I. N. B. Mohd, E. W. Rou, H. H. Abdul, and A. N.Rafiza**, “Knowledge, attitude and perception of contraception among medical students in Universiti Putra Malaysia”, Malaysian Journal of Public Health Medicine, vol. 19, no. 2, 2019.
- 5. V. T. K. Mi, D. T. T. Hang, T. T. Ngan, N. B. Hanh, and N. D. Tung** “ Knowledge, attitudes, and behaviors on the reproductive health of female students of Health Sciences Faculty, Duy Tan University”, DTU Journal of Science and Technology, vol. 03, no. 40, pp.121-136, 2020.
- 6. Trần Quang Tuấn, Đào Thị Hồng Nhung (2022)**, Thực trạng kiến thức về biện pháp tránh thai của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2022, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 528, số 2, trang 278-281.
- 7. Reina M.-F., Ciaravino H., Llovera N. et al (2010)**. Contraception knowledge and sexual behaviour in secondary school students. Gynecological Endocrinology, July 2010, 26(7), 479-483.
- 8. Shah, K. H., Afsha, A., Bali, J., & Bhat, S. (2017)**. Menstrual Disorders from Puberty to Early Adult Age: A Cross-Sectional Survey. Journal of Clinical & Diagnostic Research, 11(10).
- 9. Zhou H., Wang X., Ye F. et al (2012)**. Contraceptive knowledge, attitudes and behavior about sexuality among college students in Beijing, China. Chinese Medical Journal 2012, 125(6), 1153-1157.
- 10. Hoàng Thị Bắc (2020)**, Kiến thức thái độ về các biện pháp tránh thai của sinh viên điều dưỡng trường đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương. Tạp chí Điều dưỡng, trang 63-68.
- 11. Võ Thị Thùy Linh (2022)**. Kiến thức về một số biện pháp tránh thai và các yếu tố liên quan của sinh viên khoa Y – Dược, Trường Đại học Trà Vinh năm 2020. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, số 48, tr 136-141.
- 12. Ahmed F.A., Moussa K.M., Petterson K.O. et al (2012)**. Assessing knowledge, attitude, and practice of emergency contraception: a cross-sectional study among Ethiopian undergraduate female students. BioMed Central Public Health 2012, 12(110), 1-9.
- 13. Balkan, E., & Koyucu, R. G. (2022)**. The knowledge levels of midwifery students on contraceptive methods: A cross-sectional study. Nurse Education Today, 119, pp.105605.